Công ty Ô tô Toyota Việt Nam

Ngày update: 13/10/2026

BẢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN SẢN PHẨM, HÀNG HÓA CHỨA HÓA CHẤT NGUY HIỂM

Theo quy định tại Điều 32, Luật hóa chất, số 69/2025/QH15, do Quốc hội ban hành ngày 14/06/2025; Điều 29, Nghị định số 26/2026/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17/01/2026 và Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Công ty ô tô Toyota Việt Nam **công bố thông tin của các sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm** mà Công ty nhập khẩu để bán cho các Đại lý nhằm mục đích sửa chữa/ bảo dưỡng ô tô (Dựa vào Bảng Dữ liệu an toàn vật liệu SDS/MDSD của nhà sản xuất) như sau:

No	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Thành phần	Đặc tính nguy hiểm	Khuyến cáo
1	288000C152	Ắc quy	**- Chì vô cơ (CAS: 7439-92-1) hàm lượng: 43~70% (trung bình: 65)** **- Axit sulfuric (CAS:7664-93-9) hàm lượng: 20~44% (trung bình: 25)** - Antimon (CAS: 7440-36-0) hàm lượng: 0-4% (trung bình: 1) - Asen (CAS: 7440-38-2) hàm lượng: <0/01% Polypropylene (CAS :9003-07-0) hàm lượng: 5-10 % (trung bình: 8)	Gây ung thư Ăn mòn/ kích ứng mắt, da, hệ hô hấp	Giữ bình ắc quy kín khi không sử dụng Nếu vỏ bình ắc quy hư hỏng, tránh tiếp xúc với các thành phần bên trong Không thao tác gần nguồn nhiệt, tia lửa hoặc ngọn lửa Bảo vệ bình chứa khỏi hư hỏng vật lý để tránh rò rỉ và tràn đổ Đặt bìa cứng giữa các lớp ắc quy khi xếp chồng lên nhau để tránh hư hỏng và ngắn mạch Không để vật liệu dẫn điện chạm vào các cực của ắc quy, có thể xảy ra hiện tượng ngắn mạch nguy hiểm, gây hỏng ắc quy và cháy
2	288000C151	Ắc quy			
3	28800BZ490	Ắc quy			
4	28800BZ301	Ắc quy			
5	28800F2181	Ắc quy			
6	2880070182	Ắc quy	**- Chì (CAS: 7439-92-1) hàm lượng: 30~55%** - Chì dioxit (CAS: 1309-60-0) hàm lượng: 15~35% **- Axit sulfuric (CAS: 7664-93-9) hàm lượng: 15~35%** - Polyproyplene (CAS: 9003-07-0) hàm lượng: 5~20%	- Chì: 1. Đột biến tế bào mầm. 2. Gây ung thư 3. Độc tính sinh sản 4. Độc tính đặc hiệu trên cơ quan đích do phơi nhiễm lặp lại - Axit sulfuric: 1. Độc cấp tính qua miệng 2. Độc cấp tính (hít vào: bụi & hơi) 3. Kích ứng/ ăn mòn da 4. Tổn thương/ kích ứng mắt nghiêm trọng 5. Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm đơn 6. Độc tính đặc hiệu trên cơ quan đích do phơi nhiễm lặp lại - Chì dioxit 1. Ăn mòn, kích ứng da 2. Tổn thương/ kích ứng mắt 3. Gây ung thư 4. Độc tính sinh sản 5. Độc tính đối với cơ quan cụ thể - phơi nhiễm đơn 6. Độc tính đặc hiệu trên cơ quan cụ thể do phơi nhiễm lặp lại	Không được sử dụng lửa gần sản phẩm. Không được tháo rời hoặc sửa đổi sản phẩm. Không được làm đoản mạch giữa các cực. Việc vận hành và sạc sản phẩm phải được thực hiện ở nơi thông thoáng. Tránh làm rơi và lật đổ bình chứa. Cẩn thận để tránh gây chấn động mạnh. Cố gắng không làm hỏng sản phẩm. Cẩn thận vì có khả năng axit sulfuric phun ra từ van xả hơi của sản phẩm khi mở. Cẩn thận không làm đổ axit sulfuric. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
7	2880070201	Ắc quy			
8	2880038202	Ắc quy			
9	2880038201	Ắc quy			
10	2880025013	Ắc quy	- Chì dioxit (CAS: 1309-60-0), **chì (CAS: 7439-92-1)** , chì sulfat (CAS: 7446-14-2), hàm lượng: 45~65% **- Axit slfuric (CAS: 7664-93-9) hàm lượng: 30~45%** - Polypropylene hoặc nhựa ABS (CAS: 9003-07-0 /9003-56-9) hàm lượng: 4~8%	- Chì oxit: 1. Ăn mòn, kích ứng da 2. Tổn thương/ kích ứng mắt 3. Gây ung thư 4. Độc tính sinh sản 5. Độc tính đối với cơ quan cụ thể - phơi nhiễm đơn 6. Độc tính đặc hiệu trên cơ quan cụ thể do phơi nhiễm lặp lại - Chì: 1. Đột biến tế bào mầm 2. Tính gây ung thư 3. Độc tính sinh sản 4. Độc tính đặc hiệu trên cơ quan đích do phơi nhiễm lặp lại - Chì sulfat: 1. Gây ung thư 2. Độc tính đối với cơ quan cụ thể - phơi nhiễm đơn 3. Độc tính đặc hiệu trên cơ quan cụ thể do phơi nhiễm lặp lại - Axit sulfuric:	Không được sử dụng lửa gần sản phẩm. Không được tháo rời hoặc sửa đổi sản phẩm. Không được làm đoản mạch giữa các cực. Việc vận hành và sạc sản phẩm phải được thực hiện ở nơi thông thoáng. Tránh làm rơi và lật đổ bình chứa. Cẩn thận để tránh gây chấn động mạnh. Cố gắng không làm hỏng sản phẩm. Cẩn thận vì có khả năng axit sulfuric phun ra từ van xả hơi của sản phẩm khi mở. Cẩn thận không làm đổ axit sulfuric. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này
11	2880031473	Ắc quy			
12	2880031483	Ắc quy			
13	2880067102	Ắc quy			
14	2880036152	Ắc quy			
15	2880036151	Ắc quy			

16	2880031570	Ắc quy		1. Độc cấp tính qua miệng 2. Độc cấp tính (hít vào: bụi & hơi) 3. Kích ứng/ ăn mòn da 4. Tổn thương/ kích ứng mắt nghiêm trọng 5. Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm đơn (hệ hô hấp) 6. Độc tính đặc hiệu trên cơ quan đích do phơi nhiễm lặp lại	
17	2880031453	Ắc quy			
18	2880036080	Ắc quy	- **Chì (CAS: 7439-92-1)**, chì dioxit (CAS: 1309-60-0), chì sulfat (CAS: 7446-14-2): hàm lượng 50~68% **- Axit sulfuric, hàm lượng (CAS: 7664-93-9) hàm lượng 20~44%** - Polypropylene hoặc nhựa ABS (CAS: 9003-07-0 /9003-56-9) hàm lượng: 2~5%	- Chì oxit: 1. Ăn mòn, kích ứng da 2. Tổn thương/ kích ứng mắt 3. Gây ung thư 4. Độc tính sinh sản 5. Độc tính đối với cơ quan cụ thể - phơi nhiễm đơn 6. Độc tính đặc hiệu trên cơ quan cụ thể do phơi nhiễm lặp lại - Chì: 1. Đột biến tế bào mầm 2. Tính gây ung thư 3. Độc tính sinh sản 4. Độc tính đặc hiệu trên cơ quan đích do phơi nhiễm lặp lại - Chì sulfat: 1. Gây ung thư 2. Độc tính đối với cơ quan cụ thể - phơi nhiễm đơn 3. Độc tính đặc hiệu trên cơ quan cụ thể do phơi nhiễm lặp lại Axit sulfuric: 1. Độc cấp tính qua miệng 2. Độc cấp tính (hít vào: bụi & hơi) 3. Kích ứng/ ăn mòn da 4. Tổn thương/ kích ứng mắt nghiêm trọng 5. Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm đơn (hệ hô hấp) 6. Độc tính đặc hiệu trên cơ quan đích do phơi nhiễm lặp lại	Không được sử dụng lửa gần sản phẩm. Không được tháo rời hoặc sửa đổi sản phẩm. Không được làm đoản mạch giữa các cực. Việc vận hành và sạc sản phẩm phải được thực hiện ở nơi thông thoáng. Tránh làm rơi và lật đổ bình chứa. Cẩn thận để tránh gây chấn động mạnh.. Cố gắng không làm hỏng sản phẩm. Cẩn thận vì có khả năng axit sulfuric phun ra từ van xả hơi của sản phẩm khi mở. Cẩn thận không làm đổ axit sulfuric. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này
19	2880025052	Ắc quy			
20	2880031293	Ắc quy			
21	2880036133	Ắc quy			
22	2880036142	Ắc quy			
23	2880031491	Ắc quy			
24	2880038162	Ắc quy			
25	2880038122	Ắc quy			
26	2880038081	Ắc quy			
27	28800F0031	Ắc quy	**- Chì (CAS: 7439-92-1) hàm lượng: 30~55%** **- Axit sulfuric (CAS: 7664-93-9) hàm lượng: 15~35%** - Chì dioxit (CAS: 1309-60-0) hàm lượng: 15~35% - Polyproyplene (CAS: 9003-07-0) hàm lượng: 5~20%	- Chì: 1. Đột biến tế bào mầm 2. Tính gây ung thư 3. Độc tính sinh sản 4. Độc tính đặc hiệu trên cơ quan đích do phơi nhiễm lặp lại - Axit sulfuric: 1. Độc cấp tính qua miệng 2. Độc cấp tính (hít vào: bụi & hơi) 3. Kích ứng/ ăn mòn da 4. Tổn thương/ kích ứng mắt nghiêm trọng 5. Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm đơn (hệ hô hấp) 6. Độc tính đặc hiệu trên cơ quan đích do phơi nhiễm lặp lại - Chì dioxit: 1. Ăn mòn/ kích ứng da 2. Tổn thương/ kích ứng mắt 3. Gây ung thư 4. Độc tính sinh sản 5. Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm đơn 6. Độc tính đặc hiệu trên cơ quan đích do phơi nhiễm lặp lại	Không được sử dụng lửa gần sản phẩm. Không được tháo rời hoặc sửa đổi sản phẩm. Không được làm đoản mạch giữa các cực. Việc vận hành và sạc sản phẩm phải được thực hiện ở nơi thông thoáng. Tránh làm rơi và lật đổ bình chứa. Cẩn thận để tránh gây chấn động mạnh.. Cố gắng không làm hỏng sản phẩm. Cẩn thận vì có khả năng axit sulfuric phun ra từ van xả hơi của sản phẩm khi mở. Cẩn thận không làm đổ axit sulfuric. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này
28	288000T132	Ắc quy			
29	288000L732	Ắc quy			
30	288000L570	Ắc quy			
31	288000L504	Ắc quy			
32	288000C273	Ắc quy			
33	288000T341	Ắc quy			
34	288000C240	Ắc quy	**- Chất dẫn chì (CAS: 7439-92-1) hàm lượng: 46~73%** **- Axit sulfuric (CAS: 7664-93-9) hàm lượng: 21~32%** - Polyproyplene (CAS: 9003-07-0) hàm lượng: 5~7%	- Chất dẫn chì: Ngộ độc nếu nuốt phải lượng lớn - Axit sulfutic: 1. Tổn thương da 2. Tổn thương mắt 3. Độc tính hít vào (hơi) 4. Độc tính đường miệng (nuốt)	Sử dụng giá đỡ pin để nâng ắcquy hoặc đặt tay ở hai góc đối diện để tránh axit tràn ra ngoài qua các lỗ thông hơi. Tránh tiếp xúc với các thành phần bên trong ắc quy. Không nghiêng ắc quy ở góc lớn hơn 45 độ. Không hút thuốc khi làm việc gần ắc quy.
35	288000C211	Ắc quy			

36	0882600090	Keo phủ kín (dùng trong lắp ráp ô tô)	**- Toluene (CAS: 108-88-3) hàm lượng: 1.7%** - Iron oxide (Fe2O3) (CAS: 1309-37-1) hàm lượng: 1 - <5% - 2-Butanone, oxime (CAS: 96-29-7) hàm lượng: - - Nhựa silicone, hàm lượng: 50 - <60% - Noncrystalline silica, hàm lượng: 0.1 - <1 - Kẽm carbonate, hàm lượng: 25 - <35%	1. Kích ứng mắt 2. Độc tính sinh sản 3. Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể (khi tiếp xúc một lần) 4. Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể (khi tiếp xúc nhiều lần)	Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này. Rửa tay trước khi nghỉ ngơi và ngay sau khi tiếp xúc với sản phẩm. Tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo.
37	2880031454	Ắc quy	Chì (Lead) (CAS: 7439-92-1) hàm lượng: 45~65% - Chì đioxit (Lead dioxide) (CAS: 1309-60-0) hàm lượng: 45~65% - Chì sunfat (Lead sulfate) (CAS: 7446-14-2) hàm lượng: 45~65% - Axit sulfuric pha loãng (Dilute sulfuric acid) (CAS: 7664-93-9) hàm lượng: 30~45% - Polypropylene hoặc nhựa ABS (CAS: 9003-07-0 / 9003-56-9) hàm lượng: 4~8%	1. Chất oxy hóa 2. Độc sinh sản 3. Ăn mòn kim loại	Không được sử dụng lửa gần sản phẩm. Không được tháo rời hoặc sửa đổi sản phẩm. Không được làm đoản mạch giữa các cực. Việc vận hành và sạc sản phẩm phải được thực hiện ở nơi thông thoáng. Tránh làm rơi và lật đổ bình chứa. Cẩn thận để tránh gây chấn động mạnh.. Cố gắng không làm hỏng sản phẩm. Cẩn thận vì có khả năng axit sulfuric phun ra từ van xả hơi của sản phẩm khi mở. Cẩn thận không làm đổ axit sulfuric. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này
38	288000L522	Ắc quy	- Hợp chất chì (CAS: 7439-92-1) hàm lượng: 46~73% - Axit sulfuric (CAS: 7664-93-9), hàm lượng: 21~32% - Polypropylene (CAS: 9003-07-0) hàm lượng: 5~7%	1. Độc khi hít phải 2. Độc khi nuốt phải 3. Kích ứng da 4. Tổn thương mắt	Tránh nối trực tiếp các cực dương (+) và cực âm (-) bằng vật dẫn điện để ngăn ngừa hiện tượng đoản mạch. Ắc quy phải được bảo quản ở phương thẳng đứng và tránh xa các nguồn gây cháy Xếp chồng ắc quy sao cho tránh tiếp xúc ngoài ý muốn giữa các cực hoặc gây hư hỏng cho các cực và vỏ chứa Khi có thể, nên lưu trữ trên pallet hoặc giá/kệ chuyên dụng. Không xếp pallet hoặc giá/kệ đã chất đầy ắc quy chồng lên các ắc quy khác. Bảo quản ắc quy ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Chuẩn bị sẵn chất trung hòa gần khu vực lưu trữ để sử dụng trong trường hợp khẩn cấp. Tránh lưu trữ tại những nơi tiếp xúc trực tiếp với nguồn nhiệt hoặc ánh nắng mặt trời tích tụ nhiệt Sử dụng dụng cụ nâng chuyên dụng để di chuyển ắc quy hoặc đặt tay ở hai góc đối diện khi nâng nhằm tránh axit tràn ra ngoài qua các lỗ thông hơi. Tránh tiếp xúc với các bộ phận bên trong của ắc quy. Không nghiêng ắc quy quá 45 độ. Không hút thuốc khi làm việc gần ắc quy